

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Siu Thun Phrào
- Bà Nguyễn Thanh Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Quỳnh N, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn N; huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Quỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 27/4/2022. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, nhưng về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai bên tính cách không hợp nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến hay cãi vã. Nay chị nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh mục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hồng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 28/06/2022. Khi ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên và sống tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Nguyễn Hồng T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn Nguyễn Hồng T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh công nhận đúng như chị N trình bày về thời gian và địa điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình hoà giải khuyên bảo nhiều lần nhưng tình hình vẫn không thay đổi, hiện nay mỗi người sống một nơi và không còn tình cảm yêu thương nhau như khi mới kết hôn. Do đó, nay chị N khởi kiện và cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 28/06/2022, khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con **chung** cho đến khi con chung thành niên **và sống tự lập được**.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng **nuôi con**.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: **Được** thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Quỳnh N. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Hồng T. Về con chung: Giao con chung là **cháu** Nguyễn Lan H, sinh ngày 28/06/2022 cho anh Nguyễn Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Bùi Thị Quỳnh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật *(Có bài phát biểu kèm theo)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Quỳnh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Hồng T. Anh Tú hiện cư trú tại thôn P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Chị Bùi Thị Quỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Chị Bùi Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Hồng T đều trình bày, anh chị tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2022 ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị N và anh T đảm bảo về điều kiện kết hôn, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai chỉ chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả, dẫn đến việc cả hai sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, **chị N và anh T** đều **thuận tình** ly hôn, chị N đồng ý để anh T nuôi con, nhưng do cả hai đều vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung.

[4] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ*

nhau...” và “...có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh T là có thật, anh chị đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Cả hai đều thừa nhận bản thân không còn tình cảm thương yêu, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa. Vì vậy căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Quỳnh N, xử cho chị N và anh T ly hôn.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Hồng T có một con chung là cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 28/06/2022. Khi ly hôn, cả hai thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con chung, căn cứ vào các Điều 58 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu H cho anh T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi chị N và anh T ly hôn là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu chị Bùi Thị Quỳnh N phải cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Như K phải cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

[7] Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị Quỳnh N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14.

[9] Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Quỳnh N

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Bùi Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng T ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung của Chị Bùi Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng T là cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 28/06/2022 cho anh Nguyễn Hồng T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi anh chị ly hôn. Thời điểm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung bắt đầu từ ngày tuyên án (*ngày 20/02/2025*) cho đến khi con chung chung thành niên **và sống tự lập được**. Chị Bùi Thị Quỳnh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006170 ngày 20/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Chị Bùi Thị Quỳnh N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Anh Nguyễn Hồng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Quỳnh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- Chi cục THADS huyện Chư Pưh;
- UBND thị trấn Nhơn Hoà, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Trung

